TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2025/DS-ST
Ngày 10 – 9 - 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thuỳ Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Bà Đoàn Thị Bẩy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 915/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Huệ Th, sinh ngày 01/01/1965
Ông Lê Văn D, sinh ngày 15/05/1965

Cùng địa chỉ cư trú: Số 67, đường G, khóm 7, phường X, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền U nguyên đơn: Ông Trịnh Thái B, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: Số 10E, đường Hồ Trung Thành, khóm 3, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau). Có mặt.

Bị đơn: - Ông Huỳnh Văn U, sinh năm: 1965. Địa chỉ tạm trú trước đây: Ấp A, xã V, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là phường V, tỉnh Cà Mau). Địa chỉ thường trú: Số C11/21D, ấp 3, xã T, huyện V, thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

- Bà Lê Thị Thu C, sinh năm: 1971. Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã G, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là phường V, tỉnh Cà Mau). Người đại diện theo uỷ quyền của bà C: Ông Nguyễn Long H, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Ấp Ngã Oắc, xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (nay là xã Quách Phẩm, tỉnh Cà Mau). Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện U nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết U người đại diện theo uỷ quyền U nguyên đơn ông Trịnh Thái Bảo trình bày:

Vào năm 2014, trên cơ sở mối quan hệ thân quen nên vợ chồng ông D, bà Th có cho ông Huỳnh Văn U, bà Lê Thị Thu C vay số tiền 290.000.000 đồng. Thời điểm này ông U với bà C sống chung như vợ chồng, việc ông bà có đăng ký kết hôn hay không thì nguyên đơn không rõ. Việc vay tiền có lập hợp đồng tại hợp đồng vay đề ngày 13/10/2014 tại Văn phòng công chứng Đất Mũi do ông U ký tên. Thời hạn vay là 01 năm, lãi suất thoả thuận miệng 01%/ tháng. Quá trình vay phía bị đơn có thanh toán lãi đầy đủ đến tháng 7/2023 thì ngưng đến nay.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông U, bà C cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền vay còn nợ là 339.300.000 đồng (trong đó nợ vốn là 290.000.000 đồng, nợ lãi tính từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2024 với mức lãi 12%/năm bằng số tiền 49.300.000 đồng).

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể chỉ yêu cầu ông U thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 290.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu lãi và không yêu cầu trách nhiệm thanh toán nợ đối với bà C.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa bị đơn là ông Huỳnh Văn U trình bày:

Vào năm 2014, ông U có vay U vợ chồng ông Lê Văn D, bà Trần Thị Huệ Thuý số tiền 290.000.000 đồng. Khi vay có làm hợp đồng vay tài sản theo Hợp đồng công chứng số 5908/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/10/2014 tại Văn phòng Công chứng Đất Mũi, thoả thuận miệng lãi suất 01%/tháng, thời hạn vay 01 năm, ông U đã nhận đủ tiền từ nguyên đơn. Quá trình vay ông U có đóng lãi được khoảng 6 tháng thì mất khả năng thanh toán nên ngưng trả lãi. Đến năm 2016, ông D và bà Thuý yêu cầu ông giao tài sản để đối trừ nợ là chiếc xe gắn máy hiệu Suzuki 150CC biển kiểm soát 69F5 – 1111 (kèm theo giấy tờ xe) đứng tên Huỳnh Văn U, giá trị xe mới mua khoảng 150.000.000 đồng. Ông U đồng ý giao xe cho nguyên đơn với điều kiện đối trừ toàn bộ số nợ 290.000.000 đồng thì nguyên đơn thống nhất. Sau khi nguyên đơn nhận xe đến nay không đặt ra vấn đề yêu cầu ông U thanh toán nợ. Khi ông U giao xe trên để đối trừ nợ thì đôi bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau không có làm văn bản.

Nay phía nguyên đơn yêu cầu ông U, bà C cùng thanh toán số tiền nợ vay 290.000.000 đồng và lãi phát sinh thì ông U không đồng ý, lý do ông U đã thanh toán xong nợ cho bà Thuý, ông D bằng hình thức giao tài sản là chiếc xe gắn máy (biển kiểm soát 69F5 – 1111) để đối trừ toàn bộ số nợ như thoả thuận. Mặt khác, giữa ông U và bà C chỉ là bạn bè quen biết, không có quan hệ vợ chồng, không sống chung như vợ chồng. Số tiền 290.000.000 đồng vay U bà Thuý, ông D là do cá nhân ông U vay không liên quan đến bà C.

Tại phiên tòa, ông U đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vốn là 290.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi thì ông yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ đối với yêu cầu lãi U nguyên đơn.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án U bà Lê Thị Thu C và người đại diện theo ủy quyền U bà C là ông Nguyễn Long Hình trình bày:

Theo Hợp đồng vay tiền công chứng số 5908/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/10/2014 tại Văn phòng Công chứng Đất Mũi thể hiện ông U là người vay tiền U bà Thuý, không liên quan đến bà C. Ông U với bà C chỉ là mối quan hệ bạn bè quen biết, không phải là vợ chồng. Bà C cũng không sống chung với ông U tại địa chỉ ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau) như nguyên đơn trình bày. Do đó, bà C không đồng ý cùng với ông U có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vay 290.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng U Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và U người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định U pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông U thanh toán số tiền vay vốn là 290.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu nguyên đơn đối với số tiền lãi và trách nhiệm thanh toán nợ U bà C. Về án phí, đương sự phải chịu theo quy định U pháp luật.

NHẬN ĐỊNH U TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Long Hình có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Hình theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ vay và lãi phát sinh. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án U Tòa án theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu U nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền vay vốn là 290.000.000 đồng, nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có nộp cho Tòa án hợp đồng vay tài sản theo hợp đồng công chứng số 5908/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/10/2014 tại Văn phòng công chứng Đất Mũi thể hiện ông U vay U bà Thuý số tiền 290.000.000 đồng, việc này được ông U thừa nhận. Tuy nhiên, ông U xác định đã thanh toán xong nợ cho bà Thuý, ông D bằng hình thức giao tài sản là chiếc xe gắn máy (biển kiểm soát 69F5 – 1111) để đối trừ toàn bộ số nợ từ năm 2016 theo thoả thuận, ngoài lời trình bày ông U cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận này. Tại phiên tòa, ông U thống nhất đồng ý thanh

toán cho nguyên đơn số tiền vốn theo hợp đồng vay là 290.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu U nguyên đơn về việc buộc ông Huỳnh Văn U thanh toán số tiền vốn là 290.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi trên số tiền vốn vay tính từ thời điểm ngày 13/7/2023 đến ngày 13/12/2024 với mức lãi 12%/năm bằng số tiền là 49.300.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông U yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ yêu cầu U nguyên đơn đối với phần lãi. Đại diện nguyên đơn có yêu cầu rút lại đối với số tiền lãi, không yêu cầu bị đơn trả lãi. Đây là sự tự nguyện U đương sự, phù hợp với quy định U pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm thanh toán: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu trách nhiệm liên đới thanh toán nợ đối với bà Lê Thị Thu C, do đó hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trách nhiệm thanh toán nợ U bà C.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là ông U có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 217, 227, 228 U Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và 357 U Bộ luật dân sự; Điều 12, 26 U Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 U Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện U bà Trần Thị Huệ Thuý, ông Lê Văn D. Buộc ông Huỳnh Văn U có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Huệ Thuý và ông Lê Văn D số tiền 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định U khoản 2 Điều 468 U Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu U nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi là 49.300.000 đồng và trách nhiệm thanh toán nợ đối với bà Lê Thị Thu C.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn U được miễn nộp án phí. Bà Trần Thị Huệ Thuý, ông Lê Văn D không phải chịu án phí, ngày 16/12/2024 ông, bà đã dự nộp tạm ứng số tiền 8.428.500 đồng theo lai thu số 0009948 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Cà Mau) được nhận lại khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khi vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thùy Nhiêu